

Bản án số: **154/2024/DS-ST**

Ngày 22-7-2024

*V/v tranh chấp liên quan đến tài sản  
cưỡng chế thi hành án*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thúy;

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Phùng;

Bà Nguyễn Minh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 561/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về *Tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXX-ST ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1953; ĐKNKTT: Tập thể Tổng cục dạy nghề, phường L, quận Đ, Hà Nội; Nơi cư trú: Số H, ngách A ngõ F Cầu G, phường Q, quận C, Hà Nội.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1- Anh Bùi Thanh V, sinh năm 1984;

2- Chị Bùi Thị Diệu L, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số H ngách A ngõ F Cầu G, phường Q, quận C, Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 17/3/2023).

*Bị đơn:* Ông Bùi Hữu C, sinh năm 1951; ĐKNKTT: Tập thể Tổng cục dạy nghề, phường L, quận Đ, Hà Nội (đã chết ngày 18/11/2023).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1- Anh Bùi Thanh V, sinh năm 1984;

2- Chị Bùi Thị Diệu L, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số H ngách A ngõ F Cầu G, phường Q, quận C, Hà Nội.

3- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1953; ĐKNKTT: Tập thể Tổng cục dạy nghề, phường L, quận Đ, Hà Nội; Nơi cư trú: Số H, ngách A ngõ F Cầu G, phường Q, quận C, Hà Nội.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1- Anh Bùi Thanh V, sinh năm 1984;
- 2- Chị Bùi Thị Diệu L, sinh năm 1991;
- 3- Cháu Ngô Gia H, sinh năm 2014;
- 4- Cháu Ngô Tuệ M, sinh năm 2017;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu M: Chị Bùi Thị Diệu L (mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Số H ngách A ngõ F Cầu G, phường Q, quận C, Hà Nội.

5- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tổ dân phố A N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn D- Cục trưởng; Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc A (Quyết định ủy quyền số 165 ngày 01/4/2024).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:***

Tôi và ông Bùi Hữu C đăng ký kết hôn năm 1984 tại UBND phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đến năm 1987 tôi đi lao động tại Đ, trong quá trình làm việc tại Đ tôi tiết kiệm và tích cóp được một khoản tiền. Đến năm 1990 tôi về Việt Nam, tính gửi cả trước và sau được số tiền 35.000 USD.

Năm 1993 tôi làm việc tại Bộ G và được cơ quan phân cho một ngôi nhà tại Tập thể T1 nghề, phường L, quận Đ, Hà Nội hiện đã bán, cùng với số tiền tích cóp được khi làm việc ở Đ tôi tiếp tục kinh doanh làm ăn, rồi mua nhà, mua đất, mua vàng và dùng để gửi tiết kiệm, tổng tài sản của tôi cụ thể như sau:

1. 50 cây vàng (Năm mươi cây vàng).
2. Tiền mặt là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).
3. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tại chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA007649 của Ngân hàng TMCP Q tại Phòng G1- Chi nhánh H1 người đứng tên là ông Bùi Hữu Căn s tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).
4. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0417711 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu Căn s tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).
5. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0346135 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu Căn s tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup> địa chỉ: xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC718079 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/10/2010 đứng tên ông Bùi Hữu C.
7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10 địa chỉ: xã T, thành phố T. Cả 03 thửa đất nói trên có tổng diện tích là 9357m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài

sản khác gắn liền với đất số BG 112889 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/06/2011 đứng tên ông Bùi Hữu C.

8. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (Một phần) tờ bản đồ số 05, diện tích đất ở 34m<sup>2</sup> tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số H tổ F phường Q, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 10113050795 do UBND thành phố H cấp ngày 04/8/2003 cho ông Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B.

Toàn bộ số tài sản trên có được đến nay là do tôi đi lao động ở Đ từ năm 1987 đến năm 1991 có được 35.000 USD, khi về nước tôi xoay xở kinh doanh đủ thứ nghề từ kinh doanh quần áo, mở cửa hàng ăn uống tại phố C, mua vàng khi giá xuống, khi lên giá thì tôi lại bán để kiếm lời, toàn bộ số tiền có được tôi gom lại đi mua nhà và đất. Khi có tiền đem ra gửi Ngân hàng, vì tôi mặc cảm với cái tên của tôi hay bị mọi người dị nghị nên tôi ngại giao tiếp với các cơ quan, chính quyền vì thế tôi nhờ ông Bùi Hữu C đứng tên hầu như toàn bộ tài sản, đứng tên sổ tiết kiệm, đứng tên nhà đất, bản thân ông C chỉ đi làm công ăn lương ở Xí nghiệp lương ba cọc ba đồng, tiền chi tiêu ăn uống còn chả đủ, không đưa nổi một đồng nào cho tôi nuôi con thì lấy đâu ra tiền tiết kiệm.

Năm 2018 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an thành phố H đã khởi tố vụ án và khởi tố đối với ông Bùi Hữu C về tội trốn thuế, tuy nhiên khi khám xét đã tịch thu, tạm giữ, niêm phong toàn bộ số tài sản nói trên là toàn bộ tài sản của tôi, vì pháp luật quy định tài sản trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng nhưng pháp luật cũng phải xét đến khía cạnh công lao tạo nên khối tài sản trên của các thành viên trong gia đình, bởi đây là toàn bộ tài sản của tôi.

Bản thân tôi hiện đã già yếu, nhiều bệnh tật, phải có chút tiền để lo cho tuổi già những lúc ốm đau, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa khi phân chia tài sản chung của vợ chồng thì phải xem xét đến công lao đóng góp của từng cá nhân trong gia đình để phân chia tài sản được công bằng. Tôi có đóng góp phần lớn trong việc tạo lập nên khối tài sản chung vợ chồng nên tôi đề nghị được chia theo tỷ lệ 30/70, tôi được hưởng 70% giá trị tài sản chung. Tôi xin được hưởng toàn bộ hiện vật là nhà đất tại Cầu G, 02 mảnh đất tại Thái Nguyên, 50 cây vàng và thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho ông C (do các thừa kế đại diện nhận).

***Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L thống nhất trình bày:***

Anh V và chị L là con của ông C, bà B. Năm 2018 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an thành phố H đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can, điều tra, xét xử ông C về tội trốn thuế, khi khám xét đã niêm phong và tạm giữ những tài sản sau đây:

1. Tài sản là 50 cây vàng được gói vào một gói (Năm mươi cây vàng).
2. Tiền mặt là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

3. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tại chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA007649 của Ngân hàng TMCP Q tại phòng G1- Chi nhánh H1 người đứng tên là ông Bùi Hữu C, số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

4. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0417711 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

5. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0346135 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup> địa chỉ: xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC 718079 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/10/2010 đứng tên ông Bùi Hữu C.

7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã T, thành phố T. Cả 03 thửa đất nói trên có tổng diện tích là 9357m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/6/2011 đứng tên ông Bùi Hữu C.

8. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (Một phần) tờ bản đồ số 05, diện tích đất ở 34m<sup>2</sup> tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số H, tổ F, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 10113050795 do UBND thành phố H cấp ngày 04/8/2003 cho ông Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B.

Toàn bộ số tài sản nêu trên không phải tài sản của ông C mà là của bà B, nhưng vì ông C và bà B là vợ chồng nên bị coi đó là tài sản chung của vợ chồng cần phải phân chia. Anh V, chị L xin được trình bày cụ thể như sau:

Năm 1984 ông Bùi Hữu C đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị B tại UBND phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đến năm 1987 bà Phạm Thị B đi lao động tại Đ đến năm 1991 mới về, do mâu thuẫn vợ chồng nên khi về bà B đem theo bao nhiêu tiền ông C không biết. Bà B cũng không hề chia sẻ hay nói với ông C, bà B để riêng toàn bộ số tài sản mà bà B đem về.

Năm 1983 ông C chuyển về công tác tại Công ty G3 làm công nhân. Đến năm 1987 ông C chuyển về làm công nhân tại Công ty vật tư và thiết bị toàn bộ Hà Nội, bản thân ông C làm công nhân lương ba cọc, ba đồng cũng chỉ đủ ăn. Đến năm 2008 ông C được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty con, tuy nhiên mới kinh doanh được 02 năm nên thu nhập cũng chẳng được bao nhiêu vì thế ông C không có tiền của tiết kiệm gì.

Khoảng năm 2015 bà B có nhờ ông C đứng tên và gửi một số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng và khi mua tài sản, Nhà nước bắt buộc phải đứng tên cả hai vợ chồng, hơn nữa không ai hướng dẫn nên ông C đã đứng tên hộ bà B, theo quy định của pháp luật ông C bà B là vợ chồng nên tài sản trong thời kỳ hôn nhân

được coi là tài sản chung, nhưng thực chất tài sản là của bà Phạm Thị B. Đề nghị Tòa án tính đến công lao lớn để tạo nên khối tài sản trên là của bà Phạm Thị B để phân chia cho công bằng theo như ý kiến của bà Phạm Thị B đã trình bày trên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội trình bày:***

Căn cứ Bản án số 35/2020/HSPT ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án số 254/2019/HS-ST ngày 19/08/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định thi hành án số 181/QĐ-CTHADS cùng ngày 02/11/2020 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Người phải thi hành án là ông Bùi Hữu C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị B.

1. Về trách nhiệm truy nộp thuế: Buộc Bùi Hữu C phải truy nộp số tiền thuế đã trốn là 12.809.187.307đồng để sung công quỹ Nhà nước. Ghi nhận Bùi Hữu C nộp 10.000.000đồng theo biên lai số AA/2016/0007173 ngày 05/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để đảm bảo thi hành án.

2. Xử lý tài sản đã thu giữ:

Tiếp tục tạm giữ số tài sản gồm: 01 gói là 50 (năm mươi) cây vàng và 01 gói là 186.000.000đồng đã thu giữ của Bùi Hữu C (các tài sản trên được niêm phong trong 02 gói, bên ngoài có dán niêm phong có dấu và chữ ký của người gửi là đ/c Trương Lệ D1 (Gói số 02/2018, vụ Bùi Hữu C); tài sản hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước H2 theo biên bản giao nhận tài sản số 43/BBGN KBNN Hà Nội ngày 12/01/2018 giữa Kho bạc Nhà nước H2 với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H) để bảo đảm việc thi hành án đối với nghĩa vụ phải thi hành án về tài sản của Bùi Hữu C.

3. Về xử lý tài sản phong tỏa, kê biên:

Tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản và yêu cầu phong tỏa tiền gửi của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với các tài sản sau để đảm bảo việc thi hành án đối với các nghĩa vụ phải thi hành án về tài sản của Bùi Hữu C, cụ thể như sau:

- Phong tỏa toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo: Chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA 007649 của Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh H1, Phòng G1, tên khách hàng BUI HUU CAN, với số tiền gốc là 1.000.000.000đồng, ngày phát hành 21/7/2017.

- Phong tỏa toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo: Sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng T2- Chi nhánh B, Phòng G2, số sổ: AA0417711, chủ sở hữu BUI HUU CAN, với số tiền gốc là 1.000.000.000đồng, ngày phát hành 22/9/2017.

- Phong tỏa toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo: Sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng T2- Chi nhánh B, Phòng G2, số sổ: AA0346135, chủ sở hữu BUI HUU CAN, với số tiền gốc là 2.000.000.000đồng, ngày phát hành 18/4/2017.

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 02/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 10 tại xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 2578m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 718079 ngày 13/10/2010 cho Bùi Hữu C (theo Biên bản kê biên tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 05/7/2019).

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: 03 thửa đất số 1364,1457,1458, tờ bản đồ số 10 tại xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, tổng diện tích 9.357m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 ngày 09/6/2011 cho Bùi Hữu C (theo Biên bản kê biên tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 05/7/2019).

- Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 05/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: H tổ F phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, thửa đất số 09 (1 phần); tờ bản đồ số 5; diện tích đất ở 34m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số sổ: 10113050795 ngày 04/8/2003 cho Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B (theo Biên bản kê biên do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 15/8/2019).

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất và những sổ tiết kiệm, chứng chỉ huy động có kỳ hạn hiện trong hồ sơ vụ án).

#### *Quá trình giải quyết việc thi hành án:*

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra quyết định thu số tiền gốc và lãi của S tiết kiệm và Chứng chỉ tiền gửi về Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, tổng số là 5.378.320.618đồng. Đã tiến hành gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng. Quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 17/QĐ CTHADS ngày 06/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội: Khấu trừ 1.101.777.778 đồng trong tài khoản 600002863534 tên tài khoản Bùi Hữu C tại Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh H1- Phòng G1 (trừ chi phí chuyển khoản Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội thực nhận 1.101.535.386đồng).

Quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án số 58/QĐ CTHADS ngày 14/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội: Khấu trừ 1.449.116.120đồng tại sổ tiết kiệm số AA 0417711, số tài khoản 10100011418654 tên tài khoản Bùi Hữu C tại Ngân hàng T2- Chi nhánh B- Phòng G2.

Khấu trừ: 2.828.655.766 đồng tại sổ tiết kiệm số AA 0346135, số tài khoản 10100010799549 tên tài khoản Bùi Hữu C tại Ngân hàng T2- Chi nhánh B-Phòng G2.

01 gói là 50 (năm mươi) cây vàng và 01 gói là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu) đã thu giữ của Bùi Hữu C (các tài sản trên được niêm phong trong 02 gói, bên ngoài có dán niêm phong có dấu và chữ ký của người gửi là đ/c Trương Lệ D1 (Gói số 02/2018, vụ Bùi Hữu C); tài sản hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước H2 theo biên bản giao nhận tài sản số 43/BBGN KBNN Hà Nội ngày 12/01/2018 giữa Kho bạc Nhà nước H2 với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H) để bảo đảm việc thi hành án đối với nghĩa vụ phải thi hành án về tài sản của Bùi Hữu C. Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội chưa tổ chức Thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 02/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 10 tại xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 2578m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 718079 ngày 13/10/2010 cho Bùi Hữu C (theo Biên bản kê biên tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 05/7/2019). Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội chưa tổ chức Thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: 03 thửa đất số 1364,1457,1458, tờ bản đồ số 10 tại xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, tổng diện tích 9.357m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 ngày 09/6/2011 cho Bùi Hữu C (theo Biên bản kê biên tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 05/7/2019). Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội chưa tổ chức Thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 05/PC03 (Đ10) ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đối với: Quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: H tổ F phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, thửa đất số 09 (1 phần); tờ bản đồ số 5; diện tích đất ở 34m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số sổ: 10113050795 ngày 04/8/2003 cho Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B (theo Biên bản kê biên do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập ngày 15/8/2019). Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội chưa tổ chức Thi hành án.

Quá trình giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Chấp hành viên do bận công việc nên đề nghị được vắng mặt, đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa:**

- Anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L thống nhất trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của bà B trong việc tạo lập, duy trì khối tài sản chung để chia cho bà B theo tỷ lệ 70% giá trị tài sản chung, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,72,73,234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản chung của bà B, ông C theo tỷ lệ 50/50. Bà B được nhận toàn bộ tài sản bằng hiện vật và thanh toán giá trị chênh lệch cho ông C (do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nhận).

Bà Phạm Thị B, ông Bùi Hữu C thuộc trường hợp được miễn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về việc chia tài sản chung liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án. Bị đơn ông Bùi Hữu C trước khi chết có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Tập thể Tổng cục dạy nghề, phường L, quận Đ, Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người liên quan trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án chia những tài sản chung sau:

1. 50 cây vàng (Năm mươi cây vàng).
2. Tiền mặt là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).



3. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tại chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA007649 của Ngân hàng TMCP Q tại phòng G1- Chi nhánh H1 người đứng tên là ông Bùi Hữu C, số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

4. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0417711 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

5. Toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số AA0346135 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup> địa chỉ: xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC 718079 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/10/2010 đứng tên ông Bùi Hữu C.

7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: xã T, thành phố T. Cả 03 thửa đất nói trên có tổng diện tích là 9357m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/6/2011 đứng tên ông Bùi Hữu C.

8. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (Một phần) tờ bản đồ số 05, diện tích đất ở 34m<sup>2</sup> tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số H, tổ F, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 10113050795 do UBND thành phố H cấp ngày 04/8/2003 cho ông Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B.

Năm 2018 ông C bị khởi tố và sau đó bị xét xử về tội trốn thuế theo Bản án hình sự sơ thẩm số 254/2019/HS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án số 35/2020/HS-PT ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Theo quyết định của Bản án, toàn bộ khối tài sản trên đã bị phong tỏa, kê biên để đảm bảo việc thi hành án đối với các nghĩa vụ phải thi hành án về tài sản của ông C.

Bà B, ông C trình bày toàn bộ số tài sản trên là do bà B đi lao động ở Đ tích cóp được, khi về nước bà B dùng số tiền đó kinh doanh rồi mua nhà và đất, khi có tiền đem ra gửi Ngân hàng, nhưng vì mặc cảm với tên gọi của mình nên bà B nhờ ông C đứng tên hầu như toàn bộ tài sản, đứng tên sổ tiết kiệm, đứng tên nhà đất, còn ông C chỉ đi làm công ăn lương ở Xí nghiệp nên không có tiền tiết kiệm. Bà B cho rằng bà có đóng góp phần lớn trong việc tạo lập nên khối tài sản chung vợ chồng nên đề nghị được chia theo tỷ lệ 30/70, bà B được hưởng 70% giá trị tài sản chung. Bà B xin được hưởng toàn bộ hiện vật là nhà đất tại Cầu G, 04 thửa đất tại Thái Nguyên, 50 cây vàng và thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho ông C (do các thừa kế nhận).

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 1984 ông Bùi Hữu C đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị B. Từ năm 1987 đến năm 1990 bà Phạm Thị B đi lao động

tại Cộng hòa dân chủ Đ theo Quyết định điều động cán bộ công nhân viên đi hợp tác lao động của Bộ Đ1 và Trung học chuyên nghiệp. Sau khi về nước bà B công tác tại Tổng cục T1 nghề- Bộ G đến khi nghỉ hưu năm 2008. Đối với ông C từ năm 1983 đến năm 1986 công tác tại Công ty G3. Đến năm 1987 ông C chuyển về công tác tại Công ty cổ phần V1. Từ năm 2007 đến tháng 12/2011 ông C làm Giám đốc Xí nghiệp T3- Chi nhánh của Công ty cổ phần V1. Xét ông C và bà B đều là cán bộ công nhân viên Nhà nước, về điều kiện phát triển kinh tế gia đình là gần tương đương nhau nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà B về việc phân chia toàn bộ tài sản chung theo tỷ lệ 30/70. Các tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông C, bà B nên được xác định là tài sản chung và chia theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản chung là sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, đất tại T, Thái Nguyên đều đứng tên ông Bùi Hữu C nhưng xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên chia theo tỷ lệ 50/50. Tiền, vàng thu được tại nhà ông C bà B nên cũng xác định là tài sản chung và chia theo tỷ lệ 50/50.

Đối với nhà đất tại Q, Cầu G: Theo trình bày của bà B cùng tài liệu trong hồ sơ thể hiện trước đó bà B được phân một căn hộ ở khu tập thể T nghề. Đến năm 1993 đã bán căn hộ này đi cùng với tiền tích cóp được trong thời gian bà B đi nước ngoài, ông bà đã mua căn nhà ở Chùa L1. Đến năm 2003 mở rộng đường C, căn nhà trên đã bị lấy làm đường. Cùng năm 2003 ông bà đã dùng tiền bồi thường và tiền tiết kiệm mua căn nhà ở Q. Thời điểm mua nhà ở Q, ông C vẫn chưa chuyển sang làm Giám đốc Xí nghiệp T3 nên bà B xác định bà có công sức đóng góp phần lớn trong việc tạo dựng nên tài sản này. Xét lời trình bày của bà B là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được nên chia cho bà B được hưởng tài sản này theo tỷ lệ 60% là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiện bà B đang ở cùng với các con là anh V, chị L và các cháu H, M (con chị L) tại nhà đất ở phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, ông C đã chết nên chấp nhận yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản được chia bằng hiện vật của bà B và thanh toán tiền chênh lệch cho ông C (do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nhận).

\* Theo Chứng thư thẩm định giá số BIG-HSO-DN-0089-202405 ngày 13/6/2024 của Công ty cổ phần T4, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (Một phần) tờ bản đồ số 05, diện tích đất ở 34m<sup>2</sup> tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số H, tổ F, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, có tổng giá trị là 2.644.000.000đồng.

Bà B được nhận 60/100 giá trị nhà đất là 1.586.400.000 đồng, ông C được nhận 40/100 giá trị nhà đất là 1.057.600.000 đồng. Bà B được nhận nhà đất và thanh toán trả cho ông C số tiền 1.057.600.000 đồng.

\* Theo Biên bản định giá tài sản ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên: Hội đồng định giá về giá trị đất còn tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 + nhà kho + tường rào + cổng sắt + cây trồng trên

đất, do không có giá trị sử dụng nên không định giá. Giá trị tài sản được xác định như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup>, địa chỉ: xã T, thành phố T: trong đó đất ở nông thôn 200m<sup>2</sup> x 660.000đồng/1m<sup>2</sup> = 132.000.000đồng; đất trồng cây ăn quả lâu năm 2.378m<sup>2</sup> x 330.000đồng/1m<sup>2</sup> = 784.740.000đồng.

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10, đất có rừng trồng sản xuất, địa chỉ: xã T, thành phố T, tổng diện tích là 9357m<sup>2</sup> x 25.000đồng/1m<sup>2</sup> = 233.925.000đồng.

Tổng giá trị đất tại xã T, thành phố T là 1.150.665.000đồng.

Bà B, ông C mỗi người được ½ giá trị đất là 575.332.500đồng. Bà B được nhận đất và thanh toán trả cho ông C căn số tiền 575.332.500đồng.

\* 50 cây vàng (Năm mươi cây vàng), giá vàng SJC bán ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2024 là 80.000.000đồng/1 cây, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 4.000.000.000đồng.

Bà B, ông C mỗi người được ½ giá trị vàng là 2.000.000.000đồng. Bà B được nhận vàng và thanh toán trả cho ông C (do các thừa kế nhận) số tiền 2.000.000.000đồng.

\* Tiền mặt là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Bà B, ông C mỗi người được nhận 93.000.000 đồng.

\* Các chứng chỉ tiền gửi và S tiết kiệm:

1. Chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA007649 của Ngân hàng TMCP Q tại phòng G1- Chi nhánh H1 người đứng tên là ông Bùi Hữu C, số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

2. Sổ tiết kiệm số AA0417711 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

3. Sổ tiết kiệm số AA0346135 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Quá trình giải quyết việc thi hành án của ông Bùi Hữu C, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra quyết định thu số tiền gốc và lãi của S tiết kiệm và Chứng chỉ tiền gửi về Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, tổng số tiền thu được là 5.378.320.618 đồng, đã tiến hành gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11.2023/HDTG BIDV-CTHA ngày 30/11/2023 giữa bên nhận gửi là Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh H3 và bên gửi là Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bà B, ông C mỗi người được ½ giá trị chứng chỉ tiền gửi và sổ tiết kiệm là 2.689.160.309 đồng và lãi phát sinh của khoản tiền này.

Như vậy, toàn bộ tài sản chung của ông C, bà B đang bị phong tỏa, kê biên có giá trị là 13.358.985.618 đồng. Bà B được hưởng giá trị tài sản là 6.943.892.809 đồng. Ông C được hưởng giá trị tài sản là 6.415.092.809 đồng.

Bà B được nhận tài sản bằng hiện vật (bao gồm 01 nhà đất ở Q, Cầu G; 04 thửa đất ở T, Thái Nguyên; 50 cây vàng SJC) có giá trị là 7.794.665.000 đồng. So với giá trị tài sản được hưởng, bà B phải thanh toán cho ông C số tiền chênh lệch là 850.772.191 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về chi phí tố tụng nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Phạm Thị B thuộc trường hợp được miễn không phải nộp tiền án phí. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L mỗi người phải chịu 1/3 án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản ông Bùi Hữu C được hưởng (6.415.092.809 đồng) là 38.138.364 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 213; Điều 219; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4, khoản 9 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án của nguyên đơn bà Phạm Thị B đối với bị đơn ông Bùi Hữu C (đã chết ngày 18/11/2023), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L, bà Phạm Thị B.

**2.** Xác định tài sản chung của bà Phạm Thị B và ông Bùi Hữu C bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 09 (Một phần) tờ bản đồ số 05, diện tích đất ở 34m<sup>2</sup> tổng diện tích nhà ở 31,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số H tổ F phường Q, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 10113050795 do UBND thành phố H cấp ngày 04/8/2003 cho ông Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B. Có tổng giá trị là 2.644.000.000đồng.

2.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn 200m<sup>2</sup>; đất trồng cây ăn quả lâu năm 2.378m<sup>2</sup>) địa chỉ: xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC718079 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/10/2010 đứng tên ông Bùi Hữu C.

Đất ở nông thôn 200m<sup>2</sup> x 660.000đồng/1m<sup>2</sup> = 132.000.000đồng; đất trồng cây ăn quả lâu năm 2.378m<sup>2</sup> x 330.000đồng/1m<sup>2</sup> = 784.740.000đồng. Tổng cộng 916.740.000đồng.

2.3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10 địa chỉ: xã T, thành phố T; tổng diện tích đất có rừng trồng sản xuất là 9357m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/06/2011 đứng tên ông Bùi Hữu C; có giá trị là 233.925.000 đồng.

Tổng giá trị đất tại xã T, thành phố T là 1.150.665.000 đồng.

2.4. 50 cây vàng (Năm mươi cây vàng), giá vàng SJC bán ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2024 là 80.000.000đồng/1 cây, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 4.000.000.000đồng.

2.5. Tiền mặt là 186.000.000 đồng.

2.6. Chứng chỉ huy động có kỳ hạn số CDAA007649 của Ngân hàng TMCP Q tại phòng G1- Chi nhánh H1 người đứng tên là ông Bùi Hữu C, số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

2.7. Sổ tiết kiệm số AA0417711 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

2.8. Sổ tiết kiệm số AA0346135 mở tại Ngân hàng T2- Phòng G2- Chi nhánh Quận B chủ sở hữu là ông Bùi Hữu C, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Tổng số tiền gốc, lãi của sổ tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi (2.6+2.7+2.8) là 5.378.320.618 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản là 13.358.985.618 đồng (Mười ba tỷ ba trăm năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười tám đồng).

**3. Chia tài sản chung của ông C, bà B như sau:**

3.1. Bà Phạm Thị B được quyền sở hữu nhà đất tại địa chỉ số H tổ F phường Q, quận C, thành phố Hà Nội (nay là số H, ngõ F đường C, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 10113050795 do UBND thành phố H cấp ngày 04/8/2003 cho ông Bùi Hữu C và bà Phạm Thị B, có tổng giá trị là 2.644.000.000đồng. Bà B được nhận nhà đất và thanh toán trả cho ông C (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L, bà Phạm Thị B nhận) số tiền 1.057.600.000 đồng.

3.2. Bà Phạm Thị B được quyền sở hữu thửa đất số 1456 tờ bản đồ số 10, diện tích 2578m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn 200m<sup>2</sup>; đất trồng cây ăn quả lâu năm 2.378m<sup>2</sup>) địa chỉ: xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC718079 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 13/10/2010 đứng tên ông Bùi Hữu C.

Bà Phạm Thị B được quyền sở hữu 03 thửa đất số 1364/1457/1458 tờ bản đồ số 10 địa chỉ: xã T, thành phố T; tổng diện tích đất có rừng trồng sản xuất là 9357m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BG 112889 do UBND thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/06/2011 đứng tên ông Bùi Hữu C.

Bà B được nhận 04 thửa đất trên và thanh toán trả cho ông C (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L, bà Phạm Thị B nhận) số tiền 575.332.500 đồng.

3.3. 50 cây vàng (Năm mươi cây vàng), giá vàng SJC bán ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2024 là 80.000.000đồng/1 cây, tương đương số tiền Việt Nam đồng là 4.000.000.000đồng.

Bà B được nhận 50 cây vàng và thanh toán trả cho ông C (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L, bà Phạm Thị B nhận) số tiền 2.000.000.000đồng.

3.4. Tiền mặt là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Bà B, ông C mỗi người được nhận 93.000.000 đồng.

3.5. Tổng số tiền của các chứng chỉ tiền gửi và sổ tiết kiệm là 5.378.320.618 đồng. Bà B, ông C mỗi người được ½ giá trị chứng chỉ tiền gửi và sổ tiết kiệm là 2.689.160.309 đồng và lãi phát sinh của khoản tiền này (toàn bộ số tiền gốc và lãi hiện đang được Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội gửi tại Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh H3 theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11.2023/HĐTG BIDV-CTHA ngày 30/11/2023 giữa bên nhận gửi là Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh H3 và bên gửi là Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

3.6. Toàn bộ tài sản chung của ông C, bà B đang bị phong tỏa, kê biên có giá trị là 13.358.985.618 đồng. Bà B được hưởng tổng giá trị tài sản là 6.943.892.809 đồng (Sáu tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn tám trăm linh chín đồng). Ông C được hưởng tổng giá trị tài sản là 6.415.092.809 đồng (Sáu tỷ bốn trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi hai nghìn tám trăm linh chín đồng).

3.7. Bà Phạm Thị B được nhận tài sản bằng hiện vật (bao gồm 01 nhà đất ở Q, Cầu G; 04 thửa đất ở T, Thái Nguyên; 50 cây vàng) có giá trị là 7.794.665.000 đồng. Bà B có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông C (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L, bà Phạm Thị B nhận) phần giá trị tài sản chênh lệch là 850.772.191 đồng (T trăm năm mươi triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn một trăm chín mươi một đồng).

3.8. Bà Phạm Thị B có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu đối với các tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Phạm Thị B thuộc trường hợp được miễn không phải nộp tiền án phí. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là anh Bùi Thanh V, chị Bùi Thị Diệu L mỗi người phải chịu 38.138.364 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhân:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS Q.Đống Đa, VKS Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q.Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thúy**